

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ - ST.  
Ngày 27 - 12 - 2021.  
V/v tranh chấp: “Kiện xin ly  
hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thu Ngân - Thư ký tòa án thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” đã có Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2021 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Vi Thị H, sinh năm 1987.

ĐKNKTT: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

ĐKNKTT: SN 01, ngõ 609, tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa có mặt chị H, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 21/02/2011 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T, cuộc sống hạnh phúc được khoảng ba tháng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên chơi bời không tập trung cùng chị H làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình. Đã nhiều lần chị H thuyết phục anh T chí thú làm ăn nhưng anh T không thay đổi dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng thậm chí trong những lúc nóng giận vợ chồng còn xảy ra xô sát. Chị H đã cố gắng chịu

đựng để gia đình được êm ấm nhưng anh T không thay đổi nên từ năm 2017 chị H đã chuyển về bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An để sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 18/12/2011. Khi vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị H không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có con riêng, con nuôi, hiện chị H không có thai nghén gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có quan điểm:

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong (theo quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2021/QĐ-UTTA ngày 16/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý) bị đơn anh Nguyễn Văn T khai như sau: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh T ở số nhà 01, ngõ 609, đường LTK, phường L, thành phố P trong khoảng thời gian ba năm. Sau đó thì sống ly thân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, do khoảng cách tuổi tác quá lớn nên trong công việc, trong suy nghĩ không đồng quan điểm. Từ khoảng 6 - 7 năm nay chị H đã tự ý bỏ về quê ngoại ở bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh T cũng xác định không còn tình cảm với chị H nên anh đồng ý với ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 18/12/2011. Khi ly hôn anh T tôn trọng nguyện vọng của cháu V. Nếu cháu V ở với anh T thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu cháu V ở cùng với chị H, anh T sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền trợ cấp nuôi con chung theo mức thu nhập của anh T.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có con riêng, con nuôi, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc với cháu Nguyễn Hà V ngày 21/7/2021 (có sự chứng kiến của bà nội là bà Nguyễn Thị C) cháu Nguyễn Hà V đã trình bày như sau: Từ năm 2018 cháu V theo mẹ về Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An để ở và học tập. Hiện nay cháu đang được nghỉ hè nên ra chơi với bà nội ở thành phố P. Quan điểm của cháu V khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ vì cháu là con gái muốn được mẹ yêu thương chăm sóc.

**Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:**

Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung chị H xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hè năm 2021 chị H đưa cháu V chơi với bà nội tại tổ 1, phường L, thành phố P. Do

dịch bệnh chị đã xin học cho cháu V tại trường tiểu học LHP , thành phố P. Hiện cháu V vẫn đang ở cùng bà nội. Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký, tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự..

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/NQ - QH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vi Thị H. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao chị Vi Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 18/12/2011, anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H

Về án phí ly hôn: Các đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện “Xin ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Vi Thị H với anh Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa thụ lý anh T do làm ăn xa tại thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Căn cứ khoản 3, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt anh T tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam 21/2/2011 đảm bảo điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh T sống không hạnh phúc vì trong cuộc hôn nhân này cả hai không tìm được tiếng nói chung. Anh T không trân trọng cuộc sống hôn nhân thể hiện ở việc không quan tâm đến gia đình và thường xuyên đi chơi. Mặc dù chị H đã cố níu kéo nhưng cuộc hôn nhân vẫn không hạnh phúc do anh T không thay đổi bản tính. Hơn nữa anh T cũng nhận thấy do vợ chồng chênh lệch nhau về tuổi tác quá lớn cũng làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình do lối sống, tư tưởng và suy nghĩ không phù hợp. Vì vậy cuộc hôn nhân rơi vào trạng thái căng thẳng không thể giải tỏa nổi. Từ năm 2017 đến nay chị H, anh T đã sống ly thân mỗi người làm ăn và sinh sống một nơi và không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau nữa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn T. Thời điểm chấm dứt hôn nhân là khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hà V, sinh ngày 18/12/2011. Khi vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V. Hội đồng xét xử xét thấy cháu V là con gái lại đang trong độ tuổi mới lớn cần được sự gần gũi quan tâm chăm sóc chu đáo, cẩn thận của mẹ. Hơn nữa hiện tại anh T đang làm ăn ở xa không có điều kiện chăm sóc cháu V. Vì vậy cần giao Nguyễn Hà V cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi ly hôn đối với con chung chưa thành niên được thực hiện theo điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình. Con nuôi, con riêng không có, hiện chị H không có thai nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản, và công nợ chung: Chị H và anh T cùng thống nhất không có gì chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[6] Về án phí ly hôn: Các đương sự phải nộp theo quy định pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vi Thị H tại phiên tòa nộp thay án phí cho anh T

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 39; Điều 68; Điều 143; 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; 271; 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí, án phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn T. Quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T chấm dứt khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao chị Vi Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà V (con gái), sinh ngày 18/12/2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn T mỗi bên phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H nộp thay án phí cho anh T. Chị H được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004769 ngày 14/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm chị Vi Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai Oanh**



